

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CHUYỂN GIAO  
CÔNG NGHỆ QUỐC TẾ TDH**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ QUỐC TẾ TDH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TDH INTERNATIONAL TECHNOLOGY TRANSFER SERVICES AND COMMERCIAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108740560

**3. Ngày thành lập:** 17/05/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 46 Lê Quang Đạo, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0961166206

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                          | 3312     |
| 2.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật                                                                                                                                | 4299     |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                 | 4610     |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                  | 4632     |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                    | 4633     |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                | 4641     |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649     |
| 8.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                 | 4651     |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                             | 4663     |
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                   | 4669     |
| 11. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                   | 4690     |
| 12. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)  | 4711     |

|     |                                                                                                                                                  |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) | 4719        |
| 14. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                              | 4931        |
| 15. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                 | 4932        |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                   | 4933        |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                          | 5225        |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                              | 5229        |
| 19. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                        | 5510        |
| 20. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                               | 5590        |
| 21. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                 | 5610(Chính) |
| 22. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                         | 5621        |
| 23. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                             | 5629        |
| 24. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                          | 5630        |
| 25. | Quảng cáo                                                                                                                                        | 7310        |
| 26. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                           | 7710        |
| 27. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                        | 8230        |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các hàng hóa mà Công ty kinh doanh     | 8299        |
| 29. | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                                 | 9311        |
| 30. | Hoạt động thể thao khác                                                                                                                          | 9319        |
| 31. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                    | 9321        |
| 32. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu                                                                                          | 9329        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 950.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐỖ VĂN ĐẠO       | Tổ 6, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 285.000    | 2.850.000.000         | 30,000    | 001080000364                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 285.000    | 2.850.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN ĐỨC HIỀN  | Tổ 6, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 190.000    | 1.900.000.000         | 20,000    | 013371082                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 190.000    | 1.900.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN VĂN THÀNH | Tổ 4, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 475.000    | 4.750.000.000         | 50,000    | 001077005608                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 475.000    | 4.750.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 07/08/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001077005608

Ngày cấp: 08/06/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQLCT và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 4, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 4, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

#### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

